TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ ANH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 28 - 6 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia nghĩa vụ trả nợ khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH,TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nhưng

Ông Nguyễn Tiến Thị

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Không.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con, phân chia nghĩa vụ trả nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị M

Sinh ngày: 17 tháng 10 năm 1977

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn*: Anh Trần Đình S

Sinh 16 tháng 10 năm 1972

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 L, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Huyện K theo giấy ủy quyền số: 26/QĐ – NHNoH.KA –GĐ ngày 22 – 03 – 2019.

Văng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2018, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị M trình bày:

Chị Trần Thị M kết hôn với anh Trần Đình S trên cơ sở tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 17 tháng 12 năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng hòa thuận đến khoảng năm 2003 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng mà nguyên nhân chính là do anh S thường xuyên say rượu, đánh đập vợ con. Những tranh chấp của vợ chồng anh chị xảy ra ngày càng thường xuyên nhiều lần chị M phải nhờ đến chính quyền địa phương và làng xóm can thiệp, hòa giải. Trong suốt nhiều năm xảy ra mâu thuẫn chị M cố gắng chịu đựng vì các con, khuyên bảo anh S thay đổi nhưng anh S vẫn thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Năm 2007, năm 2009 anh S đã đánh chị M phải vào viện điều trị. Do không thể chịu đựng được nữa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được nên ngày 15 tháng năm 05 năm 2013 chị M đã đi làm ăn, cũng từ đó chị M và anh S sống ly thân. Hiện nay, chị M không còn tình cảm với anh S, mẫu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục vì kéo dài gần 16 năm nay, do đó chị M yêu cầu được ly hôn anh Trần Đình S.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu: Trần Thị H- sinh ngày: 02 – 01 – 1998, Trần Thị A -sinh ngày 20 - 11 – 1999, Trần Đình Q – sinh ngày 20 – 3 – 2003. Hiện nay hai cháu Trần Thị H và Trần Thị A đã trên 18 tuổi, có nghề nghiệp và sống tự lập. Đối với cháu Trần Đình Q, hiện nay cháu ở với chị M, cuộc sống và việc học tập của cháu đều được chị M chăm sóc đầy đủ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Với thu nhập ổn định của một công nhân là 8.500.00 đồng mỗi tháng, chị M khẳng định có thể chăm lo cho cháu Q mà không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Qúa trình chung sống mặc dù vợ chồng tạo lập được tài sản chung là nhà đất, xe mô tô, xe đạp và các đồ vật trong gia đình nhưng chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án phân chia,

Về nợ chung: Ngày 18 tháng 5 năm 2018, vợ chồng chị M, anh S có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam một khoản tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đến ngày 18 – 5 – 2019 nay đã được gia hạn đến ngày 17 – 05 - 2020, lãi suất 10,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm: không. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24 tháng 5 năm 2019, chị M đã dùng số tiền mình tích góp được trong quá trình làm công nhân để trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 42.740đ (bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) tiền lãi, tính đến ngày 28 – 6 – 2019, vợ chồng anh S và chị M còn nợ Ngân hàng số tiền: 50.000.000 đồng tiền gốc, nợ lãi 498.630 đồng. Hiện nay, chị M có nguyện vọng giao cho anh Trần Đình S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ còn lại.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Trần Thị M đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Trích lục kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu gia đình chị M và anh S, bản sao chứng minh thư nhân dân của chị M, bản sao giấy khai sinh các con chung: Trần Thị H, Trần Thị A, Trần Đình Qúy, chứng từ giao dịch của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện ngày giao dịch 24 – 5 – 2019 (02 tờ), bản tự khai của chị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Đình S đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh S không chấp hành nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, anh S trình bày thống nhất với chị M về việc anh và chị M kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 17 tháng 12 năm 1997. anh S thừa nhận anh nhiều lần đánh đập chị M dẫn đến chị M bỏ đi, tuy nhiên anh S không đồng ý ly hôn vì theo anh S nay các con đã lớn nếu ly hôn thì ảnh hưởng đến các con, xấu hổ với mọi người.

Quá trình chung sống, chị M và anh S có 03 con chung như chị M đã trình này. Hai cháu Trần Thị H và Trần Thị A đã trên 18 tuổi, có nghề nghiệp và sống tự lập không không cần bố mẹ phải trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp chị M cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho anh và chị M ly hôn thì anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Đình Q và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. anh S làm nghề nông, buôn bán và chăn nuôi với mức thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 10 triệu đồng đảm bảo để nuôi con ăn học và phát triển đầy đủ.

Về tài sản chung, anh S cũng không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về nợ chung: anh S thừa nhận đúng như chị M trình bày, ngày 18 tháng 5 năm 2018, vợ chồng chị M, anh S có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam một khoản tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đến ngày 18 – 5 – 2019 và đã được Ngân hàng gia hạn trả nợ đến ngày 17 – 5 – 2020 hiện nay chị M đã trả 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và và 42.740đ (bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) tiền lãi. Do vậy, hiện nay nếu Tòa án giải quyết cho chị M và anh S ly hôn, anh Trần Đình S đồng ý thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam toàn bộ khoản nợ còn lại, gồm: 50.000.000 đồng tiền gốc, nợ lãi 498.630 đồng và tiền lãi trên dư nợ số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay cho Ngân hàng theo lãi suất 10,4%/năm, thời hạn trả nợ đến ngày 17 tháng 5 năm 2020.

Anh Trần Đình S không giao nộp chứng cứ tài liệu nào để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xác nhận ngày 18 tháng 5 năm 2018, vợ chồng chị Trần Thị M, anh Trần Đình S có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền như lời trình bày của chị Trần Thị M. Đến ngày 24 – 5 – 2019, chị Trần Thị M đã trực tiếp đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại chi nhánh huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thanh toán cho ngân hàng số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền gốc và và 42.740đ (bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) tiền lãi. Tại phiên tòa ông Nguyễn Thanh H - chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kỳ Anh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trình bày quan điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ của chị Trần Thị M và anh Trần Đình S, cụ thể: Yêu cầu anh Trần Đình S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tính đến ngày 28 – 6 – 2019 là 50.000.000 đồng, nợ lãi 498.639 đồng và yêu cầu anh S thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 28 – 6 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất 10,4%/năm, thời hạn trả nợ đến ngày 17 tháng 5 năm 2020.

Chứng minh cho lời trình bày của mình, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Văn bản ủy quyền của giám đốc chi nhánh, công văn số 477/NHNoHTII – KTKS.m, hợp đồng tín dụng, phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo đề xuất giải ngân, giấy ủy quyền, báo cáo thẩm định, theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ, báo cáo tình hình thu nhập, chứng minh thư nhân dân của anh Trần Đình S, và chị Trần Thị M, sổ hộ khẩu, báo cáo sử dụng vốn vay, kết quả chấm điểm, tờ trình về việc phối hợp thu hồi nợ vay, đơn xin xét xử vắng mặt

Để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh làm việc trực tiếp với cháu Trần Đình Q để tìm hiểu nguyện vọng của cháu. Qua làm việc, cháu Q có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Trần Đình S cư trú tại: Thôn S, xã T huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh thụ lý vụ án; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tình cảm: Sau khi kết hôn được 05 năm thì vợ chồng chị Trần Thị M và anh Trần Đình S xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do anh S thường xuyên uống rượu, đập đánh chị M nhiều lần. Mặc dù đã nhiều lần được làng xóm, chính quyền địa phương khuyên can hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị M đã dần mất hết tình cảm cho anh S, do đó kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2013 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Qúa trình làm việc tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa chị M nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn tình cảm với nhau và vẫn giữ nguyên quan điểm, kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đình S. Anh Trần Đình S cũng thừa nhận mình đánh đập chị M nhiều lần, mặc dù tại phiên tòa anh S không đồng ý ly hôn nhưng lý do là vì sợ ảnh hưởng đến các con, còn việc chị M có quay về nhà không thì là việc của chị M, chị đi được thì về được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho chị M ly hôn anh S theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Chị Trần Thị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Đình Q kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án. Chị M không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị trong thời gian chị trực tiếp nuôi con. Chị M làm công nhân, thu nhập ổn định 8.500.000đ mỗi tháng. Đối với anhTrần Đình S nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh cũng có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Đình Q kể từ ngày quyết định ly hôn của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của

Toà án. anh S cũng không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh trong thời gian anh trực tiếp nuôi con. Thu nhập của anh S ổn định từ 7.000.000đ đến 10.000.000 mỗi tháng. Nguyện vọng của anh S và chị M đều chính đáng, cả hai bên đều có điều kiện tốt để đảm bảo cuộc sống và việc học tập của con chung tốt đẹp. Tuy nhiên, cháu Q nay đã hơn 16 tuổi, qua làm việc cháu Q mong muốn được ở với mẹ. Việc giao con chung từ đủ 07 tuổi cần phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu để đảm bảo quá trình phát triển tâm lý ổn định. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần thiết phải giao cháu Trần Đình Q cho anh chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Đình S không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về nợ chung: Ngày 18 tháng 5 năm 2018, vợ chồng chị M, anh S có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam một khoản tiền gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ đến ngày 18 – 5 – 2019 nay đã được gia hạn đến ngày 17 – 5 - 2020, lãi suất 10,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm: không. Theo trình bày của chị M và xác nhận của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, ngày 24 tháng 5 năm 2019, chị M đã trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 42.740đ (bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng) tiền lãi. Do vậy, tính đến ngày xét xử 28 – 6 – 2019, chị Trần Thị M và anh Trần Đình S nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi 498.630 đồng, thời hạn trả nợ 17 – 5 - 2020 lãi suất lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm: không.

Tại phiên tòa chị Trần Thị M, anh Trần Đình S đạt được thỏa thuận: Anh Trần Đình S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử (ngày 28 tháng 6 năm 2019) là 498.630 đồng, ngoài ra anh Trần Đình S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 28 – 6 - 2019 trên dư nợ số tiền gốc 50.000.000 đồng theo lãi suất 10,4%/năm, thời hạn trả nợ đến ngày 17 tháng 5 năm 2020. Sự thỏa thuận của anh S và chị M thống nhất với quan điểm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại đơn xin xét xử vắng mặt. Do đố, Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này của các đương sự theo Điều 246 Bộ luật tố tung dân sự.

[6]. Về án phí:

Chị Trần Thị M là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

Anh Trần Đình S phải chịu 2.525. 000đ (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Khoản 6 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7].Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị M, anh S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 6 điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

- Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M về việc ly hôn anh Trần Đình S. Chị Trần Thị M được ly hôn anh Trần Đình S;

- Giao Trần Đình Q cho anh chị Trần Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Toà án.

Anh Trần Đình S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị M.

Anh Trần Đình S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Trần Đình S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Đình S có nghĩa vụ thanh toán có Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền gốc: 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử (28 tháng 6 năm 2019) là 498.630 đồng, ngoài ra anh Trần Đình S còn phải trả cho Ngân hàng tiền lãi tính từ ngày 28 – 6-2019 trên dư nợ số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo lãi suất 10,4%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ đến ngày 17 tháng 5 năm 2020.

- Về án phí:

Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005386 ngày 20 -3 – 2019 và biên lai 0005492. Nay chị Trần Thị M được hoàn trả lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Trần Đình S phải nộp 2.525. 000đ (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)tiền án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ.

Về quyền kháng cáo: Chị M, anh S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn: Chị M;
- Bị đơn: anh S;
- Người có ql và nv liên quan;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
-VKS tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quang Dũng